

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2020/DS-ST  
Ngày: 29/9/2020  
V/v: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Thanh Phong
2. Bà Dương Hiền Huệ

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:**  
Bà Nguyễn Ngọc Phụng, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 6B ấp H, xã T, TP. T, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Chị N, sinh năm 1976

Địa chỉ: 82, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:*

- Chị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chị N có mặt; chị H vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020 của chị N và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây chị H có chơi hụi do chị N làm chủ hụi. Sau khi hốt hụi thì chị H còn nợ lại số tiền hụi chết là 83.500.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu nhưng chị H không chịu trả tiền. Đến ngày 16/7/2020 thì chị H viết biên nhận còn nợ chị N số tiền nói trên từ ngày 15/6/2019 và hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho chị N nhưng đến nay chị H vẫn chưa trả cho chị N khoản tiền nào.

Nay chị N yêu cầu chị H trả số tiền nợ là 83.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 15/6/2019 đến thời điểm xét xử với lãi suất 10%/năm.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị H vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị N khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc hai bên đã lập Biên nhận mượn tiền là để khẳng định chị H còn nợ chị N số tiền 83.500.000 đồng chứ không đơn thuần là có nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng góp hui. Do đó chị N kiện đòi 83.500.000 đồng được xác định là kiện “*Đòi lại tài sản*” thuộc yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu và không hạn chế thời hiệu khởi kiện với tranh chấp này.

[3] Về nội dung vụ án: Chị N khởi kiện yêu cầu chị H liên đới trả số tiền nợ hui là 83.500.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị N là tờ “Biên nhận mượn tiền” được chị N cung cấp do chị H viết và ký tên. “Biên nhận mượn tiền” ngày 16/7/2020 thể hiện nội dung chị H còn nợ chị N số tiền hui là 83.500.000 đồng, phía chị H cũng không có yêu cầu giải quyết về quan hệ hợp đồng góp hui đối với số tiền hui thực tế mà chị H đã góp. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết về nghĩa vụ trả tiền của chị H cho chị N theo thỏa thuận ngày 16/7/2020.

[3.1] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H tuy nhiên chị H không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh nên xác định chị H còn nợ chị N số tiền 83.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc chị H trả cho chị N số tiền 83.500.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi: Chị N yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2019 đến thời điểm xét xử là 15 tháng với lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 10.395.750 đồng. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự thì: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ

*chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”.* Do đó, chị N yêu cầu chị H trả tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 163; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc chị H trả cho chị N số tiền 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và 10.395.750 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền lãi.

**2.** Về án phí:

Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.695.787 đồng.

Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.295.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4019 ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

**3.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2020/QĐ-BPKCTT ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**5.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**